

Số: 483/BVDL-KD

Hà Nội, ngày 2 tháng 5 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị, tổ chức cung cấp trang thiết bị y tế

Bệnh viện Da liễu Hà Nội có kế hoạch mua sắm một số trang thiết bị y tế.

Để phục vụ cho việc lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Bệnh viện kính mời các đơn vị, tổ chức có đủ năng lực, quan tâm tham gia báo giá các mặt hàng này : *Chi tiết phụ lục I kèm theo*

Các đơn vị có thể chào giá trang thiết bị có tính chất tương tự về cấu hình, tính năng kỹ thuật.

Bộ hồ sơ gồm có:

1. Đăng ký kinh doanh; Tài liệu chứng minh đủ điều kiện kinh doanh trang thiết bị y tế; số điện thoại/Email của đại diện đơn vị báo giá trong trường hợp Bệnh viện cần liên lạc.
2. Thư chào giá (*theo mẫu phụ lục II đính kèm*)
3. Tài liệu kỹ thuật/catalog của trang thiết bị

Gửi về địa chỉ: Bệnh viện Da liễu Hà Nội, 79B Nguyễn Khuyến- Văn Miếu- Đống Đa- Hà Nội.

Thời gian nhận báo giá: Từ ngày có thư mời đến 9h00 ngày 14 tháng 05 năm 2024.

Mọi chi tiết liên hệ: Khoa Dược Bệnh viện Da liễu Hà Nội. SĐT: 0982281208.

Xin trân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT, Website bệnh viện
- Lưu: VT; K Dược.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Minh Quang

PHỤ LỤC I: THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN CÁC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo thông báo mời chào giá số 483./BVDL-KD ngày 2 tháng 5 năm 2024)

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
1	Máy xét nghiệm sinh hoá	01 Hệ thống	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none">- Sản xuất năm 2024 trở đi, máy mới 100%- Xuất xứ tại các nước EU hoặc G7, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc tương đương- Nguồn điện sử dụng: 220V/50 Hz- Điều kiện môi trường làm việc:- Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C- Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ <p>II. YÊU CẦU CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none">- Máy chính: 01 máy- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ- Máy tính: 01 bộ- Máy in: 01 chiếc- Bộ lọc nước: 01 bộ- Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ <p>III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN</p> <p>1. Máy chính</p> <ul style="list-style-type: none">- Chung loại: Máy xét nghiệm sinh hóa tự động hoàn toàn- Công suất: ≥ 400 xét nghiệm/giờ <p>-2. Máy tính</p> <ul style="list-style-type: none">- CPU: Core i5 hoặc tốt hơn- Ổ cứng: ≥ 450 GB- RAM: ≥ 4 GB- Màn hình: ≥ 19 inch- Chuột, bàn phím: 01 bộ <p>3. Máy in</p> <ul style="list-style-type: none">- Khổ giấy in: A4- Tốc độ: ≥ 12 trang/phút- Độ phân giải: $\geq 600 \times 600$ dpi <p>4. Bộ lọc nước</p> <ul style="list-style-type: none">- Công suất: ≥ 30 lít/giờ <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p>

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/ lần. - Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu trong vòng 10 năm - Cam kết có báo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành - Cam kết trong vòng 48 tiếng phải cử kỹ sư có chuyên môn đến khi có yêu cầu <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết thực hiện bảo dưỡng trang thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành khi được yêu cầu ít nhất trong vòng 05 năm
2	Máy xét nghiệm huyết học	01 máy	<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị được sản xuất năm 2024 trở về sau, mới 100%. - Xuất xứ tại các nước G7 hoặc EU, Nhà sản xuất có chứng chỉ ISO 13485 hoặc tương đương - Điện nguồn sử dụng: 240V/50Hz - Môi trường hoạt động: <ul style="list-style-type: none"> + Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C. + Độ ẩm tối đa: $\geq 85\%$ <p>II. CẤU HÌNH THIẾT BỊ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 máy - Bộ máy tính (mua trong nước): 01 bộ - Phần mềm quản lý dữ liệu DMS Pro hoặc tương đương: 01 phần mềm - Máy in: 01 cái - Bộ hóa chất chạy máy ban đầu: 01 bộ - Tài liệu hướng dẫn sử dụng (tiếng Anh, tiếng Việt): 01 bộ <p>III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo <ul style="list-style-type: none"> + Đếm tế bào máu: Đo trở kháng điện hoặc tương đương + Hemoglobin: Đo bề mặt (so màu) hoặc tương đương + Hematocrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Phân tích các thành phần bạch cầu: Đo quang bằng tia Laser hoặc tương đương + Plateletcrit: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương + Dải phân bố hồng cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc tương đương



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
3	Máy xét nghiệm nước tiểu	01 máy	<p>+ Dải phân bố tiêu cầu: Tính toán từ biểu đồ hoặc trong đương</p> <p>- Thông số đo : ≥29 thông số, tối thiểu có bao gồm: WBC, NE%, LY%, MO%, EO%, BA%, NE, LY, MO, EO, BA, RBC, HGB, HCT, MCV, MCH, MCHC, RDW-SD, RDW-CV, PLT, PCT, MPV, PDW, ImG, ImG%, Band, Band%, SEG, SEG%</p> <p>- Màn hình</p> <p>+ LCD ≥10.4 inch, màn hình cảm ứng</p> <p>+ Độ phân giải: ≥800 x 600 dots</p> <p>- Quản lý thông tin</p> <p>+ Có chương trình quản lý chất lượng QC: X-R, L&J (Levey Jennings), XB hoặc trong đương</p> <p>+ Có thẻ lưu trữ được ≥15.000 kết quả khi gắn thêm thẻ nhớ SD</p> <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <p>- Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành</p> <p>- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.</p> <p>- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/lần.</p> <p>- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu trong vòng 10 năm</p> <p>- Cam kết có báo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành</p> <p>- Cam kết trong vòng 48 tiếng phải cử kỹ sư có chuyên môn đến khi có yêu cầu</p> <p>- Cam kết bảo dưỡng trang thiết bị khi thời gian bảo hành đã hết khi được yêu cầu ít nhất trong vòng 05 năm</p>
			<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <p>- Sản xuất năm 2024 trở đi, máy mới 100%</p> <p>- Nhà máy đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>- Nguồn điện sử dụng: 220/380 V, 50 Hz</p> <p>- Điều kiện môi trường làm việc:</p> <p>+ Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C</p> <p>+ Độ ẩm tối đa: ≥ 80%</p> <p>II. CẤU HÌNH</p> <p>- Máy chính kèm bộ phụ kiện chuẩn: 01 chiếc</p>

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
4	Kính hiển vi 2 mắt	01 chiếc	<ul style="list-style-type: none"> - Thanh thử nước tiêu: 01 bộ (≥ 150 que thử) III. ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CƠ BẢN - Chung loại: Máy phân tích nước tiêu - Phương pháp đo: Đo quang phản xạ sử dụng ≥ 4 bước sóng - Đo được tối thiểu ≥ 10 thông số gồm: Blood, Glucose, Spec. gravity, Bilirubin, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leucocytes, Ketones, pH. - Có máy in nhiệt tích hợp - Công kết nối tối thiểu gồm: RS232, USB, PS2 - Có khả năng kết nối với LIS. IV. YÊU CẦU KHÁC - Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí nhân công sau bảo hành: ≥ 06 tháng - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/lần. - Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu trong vòng 10 năm - Cam kết có báo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành - Cam kết trong vòng 48 tiếng phải cử kỹ sư có chuyên môn đến khi có yêu cầu - Nhà cung cấp phải đảm bảo có trách nhiệm bảo dưỡng trang thiết bị khi thời gian bảo hành đã hết khi được yêu cầu ít nhất trong vòng 05 năm
			<p>I. YÊU CẦU CHUNG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất năm 2024 trở đi, máy mới 100% - Xuất xứ tại các nước công nghiệp phát triển, nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng: 220 V, 50 Hz - Điều kiện môi trường làm việc: - Nhiệt độ tối đa: ≥ 30 độ C - Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ <p>II. YÊU CẦU CẤU HÌNH</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân kính hiển vi 2 mắt kèm theo nguồn sáng đèn LED : 01 cái - Thị kính chống mốc 10x, đường kính vi trường rộng 20 mm, có chia độ Diop: 02 cái.

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<ul style="list-style-type: none"> - Vật kính chống mốc – phẳng 4X/0.10: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 10X/0.25: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 40X/0.65, khoảng cách làm việc 0.6 mm: 01 cái - Vật kính chống mốc – phẳng 100X/1.25 oil: 01 cái - Tụ quang có thể điều chỉnh màn chắn sáng và độ cao: 01 cái - Bàn để mẫu kèm theo bộ phận di mẫu X x Y : 01 cái - Dầu soi 8cc: 01 lọ - Bao máy: 01 cái - Dây điện nguồn: 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh: 01 bộ <p>III. ĐẶC TÍNH VÀ THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có xử lý chống mốc trên các bộ phận quang học để chống sự nảy mầm và phát triển mốc - Hệ thống quang học Vô cực (infinity optical system). - Đầu quan sát hai thị kính. Có thể điều chỉnh khoảng cách giữa hai đồng tử . Có vòng chỉnh độ diop phù hợp với từng người quan sát. - Bàn để mẫu có kích thước 120 x 132 mm, có bộ phận giữ mẫu và dịch chuyển mẫu theo hai chiều X-Y. - Núm chỉnh di chuyển loại đồng trục bố trí bên phải. Hành trình di chuyển mẫu: X x Y - Nguồn sáng đèn LED, công suất 0.5 W, tuổi thọ dài - Khóa tiêu cự bảo vệ vật kính và mẫu tránh các tác động bên ngoài gây hỏng <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. - Cam kết có báo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành
5	Máy điều trị da bằng ánh sáng hội tụ	01 máy	<p>I. Yêu cầu chung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy mới 100%, sản xuất năm 2024 trở về sau - Đảm bảo chất lượng máy: có các chứng nhận ISO 13485 hoặc tương đương. - Nguồn cấp điện 220-240V, 50-60Hz - Nhiệt độ tối đa: ≥ 35 độ C - Độ ẩm tối đa: $\geq 75\%$ (không ngưng tụ) <p>II. Yêu cầu cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính di chuyển trên bánh xe, màn hình cảm ứng

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<p>chạm: 01 máy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tay cầm điều trị rậm lông : 01 cái - Tay cầm điều trị sắc tố, mạch máu: 01 cái - Bộ lọc ánh sáng: 03 bộ - Ngoài ra: Kính bảo vệ mắt khi điều trị cho Bác sĩ, bệnh nhân <p>III. Yêu cầu thông số kỹ thuật cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn sáng: Xenon hoặc tương đương - Bộ lọc bước sóng điều trị: 560nm, 640nm, 700nm hoặc tương đương - Hệ thống làm mát: bề mặt và tiếp xúc nước hoặc tương đương - Loại hình phát xung: Xung dài (vuông) hoặc tương đương - Số xung: Không giới hạn - Các loại xung phát ra: Xung đơn, xung đôi, xung ba, xung đa hoặc tương đương - Năng lượng phát xung: $1 \geq 55 \text{ J/cm}^2$ - Thời gian phát xung: $\leq 35 \text{ ms}$ <p>IV. YÊU CẦU KHÁC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu. - Bảo trì miễn phí nhân công sau bảo hành: ≥ 06 tháng - Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/ lần. - Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu trong vòng 10 năm - Cam kết có báo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành - Cam kết trong vòng 48 tiếng phải cử kỹ sư có chuyên môn đến khi có yêu cầu - Nhà cung cấp phải đảm bảo có trách nhiệm bảo dưỡng trang thiết bị khi thời gian bảo hành đã hết khi được yêu cầu ít nhất trong vòng 05 năm
6	Máy theo dõi bệnh nhân	01 máy	<p>I/ Yêu cầu chung</p> <p>Thiết bị sản xuất năm 2024 trở về sau. Chất lượng mới 100% Đạt tiêu chuẩn kỹ thuật ISO 13485 Nguồn điện: 100 đến 240 VAC, 50/60Hz</p>



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<p>Môi trường hoạt động: + Độ ẩm tối đa: $\geq 80\%$ + Nhiệt độ tối đa: ≥ 40 độ C</p> <p>II. Cấu hình Máy theo dõi bệnh nhân ≥ 5 thông số, Máy chính có màn hình cảm ứng : 01 máy Phụ kiện kèm theo máy chính Bộ điện cực điện tim: 01 Bộ Cáp đo độ bão hòa Oxy SpO2: 01 Cái Cảm biến đo nhiệt độ: 01 Cái Bao đo huyết áp người lớn: 01 Cái Bao đo huyết áp trẻ em: 01 Cái Dây nối dài đo huyết áp không xâm lấn: 01 Cái Pin tích hợp: 01 Cái Máy in nhiệt tích hợp: 01 cái Xe đẩy máy: 01 Cái Tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Anh + tiếng Việt: 01 Bộ Bộ đo huyết áp xâm lấn IBP: 01 Bộ</p> <p>III/ Thông số kỹ thuật Đặc tính chung: Thiết bị được sử dụng để theo dõi, hiển thị, xem xét, lưu trữ và cảnh báo các thông số của bệnh nhân. Theo dõi các thông số: Điện tim (ECG), Nhịp hô hấp (RESP), Nồng độ Oxy bão hòa trong máu (SpO2), Huyết áp không xâm lấn (NIBP), Nhiệt độ (TEMP), Huyết áp xâm lấn (IBP) Điều khiển, cài đặt các thông số hoàn toàn bằng màn hình cảm ứng và phím bấm. Màn hình cảm ứng Thông số kỹ thuật: Màn hình: Cảm ứng, kích thước 12.1 inch, theo dõi ≥ 8 dạng sóng Theo dõi bước sóng và dữ liệu theo thời gian thực Độ phân giải: $\geq 1280 \times 800$ pixels Cổng kết nối Ethernet, LAN Có giao thức kết nối HL7 Lưu trữ: Thời gian trend: ≥ 72 giờ ≥ 48 giờ hiển thị xu hướng cho tất cả các thông số Pin sạc lại loại Lithium ion, thời gian sử dụng ≥ 2 giờ Có khả năng đồng bộ thông tin theo dõi, cảnh báo giữa</p>



STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<p>monitor tại giường và monitor trung tâm Báo động bằng hình ảnh và âm thanh Thông số điện tim ECG: Số đạo trình: Có các đạo trình có thể lựa chọn: I, II, III, aVR, aVL, aVF, V1 đến V6 Tương thích với cáp điện tim 5 điện cực Tốc độ quét tối thiểu gồm: 12.5, 25, 50 mm/s Độ khuếch đại tối thiểu gồm: x0.5, x1, x2, x4 Nhịp tim: Dải đo nhịp tim: Từ ≤ 25 - ≥ 240 nhịp/phút Độ chính xác: $\leq \pm 3$ nhịp/phút Độ phân giải: 1 nhịp/phút Thông số hô hấp RESP: Phương pháp đo: Trờ kháng hoặc tương đương Dải đo nhịp hô hấp: 0 - ≥ 120 rpm Độ chính xác: $\leq \pm 3$ nhịp/ phút Thông số SPO2: Dải đo: 0 - 100% Độ chính xác SPO2: + Người lớn/ Trẻ em: $\pm 2\%$ (tại dải đo 70 - 100%) trong điều kiện không cử động + Trẻ sơ sinh: $\pm 3\%$ (tại dải đo 70 - 100%) trong điều kiện không cử động Thông số đo huyết áp không xâm lấn NIBP: Phương pháp đo: Dao động kế Phương thức đo: Bằng tay, tự động hoặc tương đương Dải đo nhịp tim: 30 đến ≥ 250 nhịp/phút Dải đo huyết áp: Người lớn: SYS: ≤ 40 - ≥ 250 mmHg DIA: 15 - 200 mmHg Trẻ em: SYS: ≤ 40 - ≥ 240 mmHg DIA: ≤ 15 - ≥ 200 mmHg Trẻ sơ sinh: SYS: ≤ 40 - ≥ 135 mmHg DIA: ≤ 15 - ≥ 100 mmHg Độ chính xác: + Sai số trung bình tối đa: ± 5 mmHg</p>

Y TẾ





STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật cơ bản
			<p>+ Độ lệch chuẩn tối đa: 8 mmHg</p> <p>Độ phân giải: 1 mmHg</p> <p>Thông số đo nhiệt độ:</p> <p>Số kênh đo: 2 kênh</p> <p>Dải đo: <math>\leq 25^{\circ}\text{C} - 50^{\circ}\text{C}</math></p> <p>Độ chính xác:</p> <p>$\leq 0.2^{\circ}\text{C}$ (25.0 ~ 34.9°C)</p> <p>$\leq 0.1^{\circ}\text{C}$ (35.0 ~ 39.9°C)</p> <p>$\leq 0.2^{\circ}\text{C}$ (40.0 ~ 44.9°C)</p> <p>Huyết áp xâm lấn IBP:</p> <p>Số kênh đo: 2 kênh</p> <p>Dải đo IBP: - 50 đến ≥ 300 mmHg</p> <p>Độ phân giải: 1 mmHg</p> <p>Độ chính xác: ± 1 mmHg hoặc $\pm 2\%$, cái nào cao hơn</p> <p>Độ nhạy: 5µV/mmHg</p> <p>Phạm vi trở kháng: 300 đến 3000Ω</p> <p>IV. YẾU CẦU KHÁC</p> <p>- Giao hàng, lắp đặt tại nơi sử dụng, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành</p> <p>- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu.</p> <p>- Bảo trì miễn phí nhân công sau bảo hành: ≥ 06 tháng</p> <p>- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: ≤ 03 tháng/lần.</p> <p>- Cam kết cung cấp phụ tùng, vật tư tiêu hao tối thiểu trong vòng 10 năm</p> <p>- Cam kết có bảo giá vật tư tiêu hao và phụ tùng thay thế có giá trị không đổi trong vòng 36 tháng kể từ sau bảo hành</p> <p>- Cam kết trong vòng 48 tiếng phải cử kỹ sư có chuyên môn đến khi có yêu cầu</p> <p>- Nhà cung cấp phải đảm bảo có trách nhiệm bảo dưỡng trang thiết bị khi thời gian bảo hành đã hết khi được yêu cầu ít nhất trong vòng 05 năm</p>

